

và các đặc sản quý. Mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội bất cứ của các cơ quan Nhà nước, quân đội, các hợp tác xã hay của nhân dân có hại cho việc bảo vệ hệ sinh thái của khu vực này đều bị nghiêm cấm.

Điều 3. — Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai — Kon Tum có trách nhiệm và quyền hạn:

— Quy định ranh giới cụ thể của khu vực đặc biệt bảo vệ hệ sinh thái;

— Quy định cụ thể nội quy bảo vệ hệ sinh thái của khu vực đặc biệt này, bao gồm cả chế độ xử phạt những đơn vị và cá nhân vi phạm nội quy;

— Tổ chức quản lý để bảo vệ hệ sinh thái của khu vực đặc biệt theo nội quy của tỉnh;

— Xây dựng các phương án và kế hoạch nhằm bảo vệ hệ sinh thái, duy trì, phát triển và khai thác các nguồn dược liệu và các đặc sản trong khu vực theo chế độ phân cấp quản lý hiện hành.

Điều 4. — Các đồng chí bộ trưởng các Bộ và thủ trưởng các cơ quan quản lý ngành có liên quan, trước hết là Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thủy lợi, Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Viện khoa học Việt Nam, Viện phân vùng quy hoạch kinh tế trung ương, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp... tùy theo chức năng quản lý ngành, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai — Kon Tum về các mặt điều tra, khảo sát, xây dựng các nội quy quản lý, các kế hoạch bảo vệ hệ sinh thái, các kế hoạch phát triển

và khai thác, điều động cán bộ, vật tư, tài chính, nghiên cứu các vấn đề khoa học, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ thuật, v.v... để Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện được các nhiệm vụ nói trên.

Điều 5. — Đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai — Kon Tum, các đồng chí bộ trưởng và thủ trưởng các cơ quan quản lý ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 1980

K. T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

TÓ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 134-TTg, ngày 25-4-1980 về việc điều chỉnh một số tiêu chuẩn cung cấp lương thực trong khu vực Nhà nước phụ trách.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị quyết số 9-CP ngày 9-1-1980 của Hội đồng Chính phủ về chính sách lương thực và nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 1-4-1980 của Bộ Chính trị về một số chủ trương và biện pháp nhằm giải quyết khó khăn về lương thực hiện nay;

Xét khả năng thực tế về lương thực của Nhà nước trong năm 1980;

Theo đề nghị của đồng chí Bộ trưởng Bộ Lương thực và thực phẩm sau khi đã bàn thống nhất với các Bộ có liên quan và Tổng công đoàn Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Để giải quyết khó khăn về lương thực hiện nay, biện pháp cơ bản vẫn là các ngành trung ương có liên quan và chính quyền địa phương các cấp phải phối hợp chặt chẽ, tạo mọi điều kiện cần thiết đầy mạnh sản xuất lương thực trong khu vực các hợp tác xã nông nghiệp và nông dân cũng như trong khu vực các nông trường quốc doanh, đồng thời phát động mạnh mẽ phong trào toàn quân, toàn dân tham gia sản xuất lương thực; đặt rõ trách nhiệm cho các đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, trường học, bệnh viện, các hộ dân phi nông nghiệp ở các thành thị, phải tùy hoàn cảnh thực tế mà sản xuất tự túc một phần lương thực. Đi đôi với phát triển sản xuất, phải vận động toàn dân thực hiện triệt để tiết kiệm tiêu dùng lương thực. Mặt khác, phải tăng cường chỉ đạo công tác thu thuế, thu nợ và mua lương thực, bảo đảm Nhà nước nắm đại bộ phận lương thực hàng hóa để phân phối hợp lý, có kế hoạch và tổ chức cho các nhu cầu của xã hội. Đồng thời phải tăng cường quản lý thị trường, chống đầu cơ tích trữ lương thực, trừng trị nghiêm khắc những bọn ăn cắp lương thực của Nhà nước trong các khâu giao nhận, vận chuyển, bảo quản và phân phối lương thực.

Điều 2. — Việc phân phối lương thực trong khu vực Nhà nước phụ trách phải được quản lý thật chặt chẽ, chống mọi hiện tượng khai man nhân khẩu, vận

dụng sai tiêu chuẩn để lĩnh lương thực quá mức Nhà nước quy định.

Trước mắt, trong tình hình lương thực chung có khó khăn, bắt đầu từ tháng 5 năm 1980 cho đến khi có lệnh mới, Nhà nước tạm thời điều chỉnh tiêu chuẩn cung cấp lương thực cho một số đối tượng sau đây:

1. Trong khu vực cán bộ, công nhân, viên chức của Nhà nước:

— Đối với những người hiện nay đang được cấp theo tiêu chuẩn: 24kg, 21kg và 13kg gạo một tháng, vì trước đây đã rút giảm nhiều, nay vẫn giữ mức cung cấp hiện hành.

— Đối với những người được cấp theo tiêu chuẩn hàng tháng: 16,5kg, 17,5kg, 18,5kg, 19,5kg và 20,5kg lương thực quy gạo nay tạm thời rút bớt mỗi tháng 1,5kg.

2. Trong các lực lượng vũ trang:

Tinh thần chung là giữ mức cung cấp hiện nay cho những cán bộ, chiến sĩ đang trực tiếp chiến đấu, huấn luyện, sản xuất và bố phòng phục vụ sẵn sàng chiến đấu, đồng thời điều chỉnh rút bớt một phần tiêu chuẩn cung cấp cho các cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ ở phía sau, hay chuyên làm các công việc hành chính trong quân đội, cũng như cho các đối tượng khác do ngành nội vụ quản lý. Bộ Lương thực và thực phẩm trao đổi thống nhất ngay với Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ đề nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ ra quyết định riêng về vấn đề này.

3. Đối với sinh viên, học sinh trung cấp chuyên nghiệp:

Hiện nay đang cấp một tháng 17kg lương thực quy gạo, nay rút bớt 1kg còn 16kg.

4. Đối với những người ăn theo trong gia đình cán bộ, công nhân, viên chức nhất là đối với trẻ em: Giữ mức cung cấp như hiện nay.

5. Đối với những người sản xuất (tập thể hay cá thể) có quan hệ và nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng kinh tế hai chiều với Nhà nước, từ trước tới nay vẫn được Nhà nước cung cấp lương thực (như những người sản xuất tiểu thủ công, làm nghề cá, nghề muối, trồng rau ở vùng chuyên canh, trồng cây công nghiệp ở vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước, v.v...), các Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện cần chỉ đạo các tổ chức kinh tế Nhà nước làm nhiệm vụ cung ứng và thu mua theo hợp đồng hai chiều và soát lại cho chặt chẽ các đối tượng, các nhân khẩu cần được Nhà nước cung cấp lương thực, gắn chặt việc cung cấp lương thực với việc thu mua sản phẩm theo đúng hợp đồng đã ký, đồng thời giảm bớt một phần mức cung cấp cho phù hợp với điều kiện thực tế về lực lượng lương thực của Nhà nước hiện nay. Trước mắt tạm rút bớt từ 10 đến 15% tùy từng đối tượng cụ thể (so với mức cung cấp hiện hành). Bộ Lương thực và thực phẩm sẽ hướng dẫn thực hiện.

6. Đối với những người làm các nghề buôn bán, dịch vụ, ăn uống hay sản xuất tự do, không có quan hệ kinh tế với Nhà nước, cơ quan lương thực không cung

cấp lương thực theo tiêu chuẩn định lượng và theo giá chỉ đạo của Nhà nước như hiện nay đang thi hành ở một số thành phố, thị xã, thị trấn, mà sẽ tùy khả năng thực tế mà giải quyết một phần lương thực theo giá bảo đảm kinh doanh, Nhà nước không bù lỗ.

Bộ Lương thực và thực phẩm chỉ đạo các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hướng dẫn cụ thể cho các Ủy ban nhân dân quận, huyện, khu phố chỉ đạo phối hợp các ngành lương thực, công an, dựa vào chính quyền, các đoàn thể và quần chúng tốt ở cơ sở (tiểu khu phường, khóm, tổ dân phố) để xác định danh sách những người nằm trong diện quy định trên đây.

Riêng đối với những người thuộc các đối tượng cần được chiếu cố về mặt chính sách, và những hộ dân lao động nghèo ở thành thị, các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cần chỉ đạo ngành lương thực dựa vào chính quyền, đoàn thể ở cơ sở nắm chắc tình hình và quan tâm giải quyết lương thực cho họ theo đúng tinh thần nghị quyết số 25-NQ/TU của Bộ Chính trị.

Điều 3.— Các đồng chí Bộ trưởng Phủ thủ tướng, các Bộ, Tổng cục và các ngành trung ương có liên quan và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, phải hết sức coi trọng công tác chính trị, tư tưởng, sử dụng các tổ chức thông tin, văn hóa, tuyên huấn và dựa vào các

đoàn thể công đoàn, phụ nữ, thanh niên để tuyên truyền giải thích sâu rộng làm cho bộ đội, cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân thông suốt chính sách và tự giác chấp hành đúng.

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 1980

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

ĐỖ MƯỜI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

LÂM NGHIỆP - NÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ liên bộ số 1-TT/LB ngày 3-3-1980 hướng dẫn thi hành chỉ thị số 137-TTg ngày 20-4-1979 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo vệ rừng trong công tác khai hoang, mở rộng diện tích sản xuất nông, lâm nghiệp.

Trong những năm qua, công tác khai hoang mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên do chưa đặc biệt coi trọng việc bảo vệ rừng, bảo vệ đất phòng chống xói mòn; do tổ chức khai hoang thiếu điều tra, quy hoạch cụ thể, phương hướng sử dụng ruộng đất chưa rõ ràng; do chưa thực

hiện đầy đủ thủ tục hành chính về trình duyệt nhiệm vụ thiết kế, về giao nhận đất trước khi khai hoang; do thiếu hoặc không bảo đảm kế hoạch về lao động, vật tư, kỹ thuật; do chưa chấp hành tốt các quy trình, quy phạm về khai hoang, xây dựng đồng ruộng, đê ruộng... nên nhiều nơi đã phá rừng bừa bãi làm hao hụt nghiêm trọng tài nguyên rừng, ảnh hưởng không tốt đến môi trường chung quanh, đã dễ đất, xói mòn hoặc thoái hóa nhanh (nhất là vùng đất dốc). Nhiều diện tích bị bỏ hoang hóa trở lại.

Để thực hiện nghiêm chỉnh chỉ thị số 137-TTg ngày 20-4-1979 của Thủ tướng Chính phủ nhằm khắc phục những thiếu sót trên, bảo đảm tất cả diện tích đã khai hoang đều được đưa vào sản xuất ổn định, có hiệu quả kinh tế cao và tài nguyên rừng được bảo vệ nghiêm ngặt, liên Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp hướng dẫn một số điểm cụ thể dưới đây cần phải thực hiện tốt trong khai hoang mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

I. NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ RỪNG, BẢO VỆ ĐẤT TRONG KHAI HOANG

1. Hiện nay đất có khả năng nông nghiệp trước mắt có khoảng 3,5 triệu hecta, trong đó phần lớn là đất hoang, cây lùm bụi, đồi trọc, cần tập trung khai hoang vào loại đất này. Trường hợp phải phá các loại rừng nói ở điểm 5 dưới đây để lấy đất dùng vào sản xuất nông nghiệp hoặc vào mục đích khác thì phải thực hiện đúng quy định của Pháp lệnh bảo vệ rừng và nghị quyết